

Số: 168/2026/QĐST-HNGĐ

K, ngày 07 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 167/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Ngọc Á, sinh năm 2002.

Nơi cư trú: Khu B, xã K, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Bùi Anh H, sinh năm 2002.

Nơi cư trú: Xóm C, xã K, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 04 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Ngọc Á và anh Bùi Anh H.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân Chị Bùi Ngọc Á và anh Bùi Anh H thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Bùi Nhật M, sinh ngày 30/11/2025. Sau khi ly hôn giao con Bùi Nhật M cho chị Bùi Ngọc Á được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác thay theo quy định của pháp luật. Anh Bùi Anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Bùi Ngọc Á một tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/01 tháng, kể từ tháng 6/2026 cho đến khi con Bùi Nhật M trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác thay theo quy định của pháp luật. Anh Bùi Anh H được quyền thăm nom

con chung và quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về tài sản chung, công sức đóng góp chung: Không có.

Về công nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Bùi Ngọc Á tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ chị Bùi Ngọc Á đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002654 ngày 01/04/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ, nay chị Bùi Ngọc Á đã nộp xong phần án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 13-Phú Thọ
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 13-Phú Thọ;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mai Thị Thanh Nga